

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 17/5/2022
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Ông Thân Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/12/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Minh T, sinh năm 1979 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã HV, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến ghi trong biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa, chị Trần Minh T trình bày:

Chị và anh T có được tự nguyện tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang vào ngày 28/3/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Đến cuối tháng 4/2021, chị nhận được một số hình ảnh anh T có quan hệ không đúng mực với một người phụ nữ khác, chị hỏi thì anh T đã thừa nhận có quan hệ yêu đương với người phụ nữ đó. Lúc đó, chị cảm thấy không thể chấp nhận được nên hai vợ chồng đã xảy ra cự cãi rất lớn, mâu thuẫn kéo dài từ đó cho đến nay. Vợ chồng chị đã được hai bên gia đình, họ hàng hòa giải nhiều lần

nhưng không thể hóa giải được mâu thuẫn. Từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay vợ chồng vẫn sống cùng nhà nhưng anh T ở nhà trên còn chị ở nhà ngang phía dưới, vợ chồng không nói chuyện cùng nhau, chị cũng không quan tâm anh T đi đâu, làm gì. Buổi tối, vợ chồng có ăn cơm chung là vì không muốn ảnh hưởng đến tâm lý và chuyện học hành của cháu Đ. Nay chị thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có ý nghĩa gì, không hạnh phúc, không thể chung sống cùng nhau được nữa nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung, cháu lớn là Nguyễn Phương N, sinh năm 2001; cháu thứ hai là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 28/02/2008, hiện 02 cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Cháu N hiện đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản hòa giải theo thủ tục đối thoại ngày 29/10/2021, biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2022, anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trước đây, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì. Từ khoảng tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh có quan hệ không đúng mực với người phụ nữ khác. Anh đã nhận ra sai lầm của mình và xin chị T tha thứ nhiều lần nhưng chị T không chấp nhận. Vợ chồng anh đã được họ hàng, bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ tháng 4/2021 đến nay anh vẫn quan tâm, chăm sóc cho gia đình nhưng chị T thì không quan tâm gì đến anh nữa, mặc dù vậy vợ chồng anh vẫn sống cùng nhà. Nay đã nhận ra sai lầm của mình, mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn.

* Tại bản tự khai, cháu Nguyễn Minh Đ khai: Trong cuộc sống hàng ngày, bố mẹ cháu thường cãi nhau, bố ở nhà dưới và mẹ ở nhà trên. Dù vậy, cháu vẫn mong bố mẹ đoàn tụ, nếu không thể được thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

* Tại biên bản xác minh ngày 26/01/2022 chính quyền địa phương xã HV cung cấp như sau: Trong cuộc sống hàng ngày chị T và anh T có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T là người nóng tính, anh T thì có tiếng là có qua lại với người phụ nữ khác. Hai bên cũng được gia đình, họ hàng, bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị T và anh T cùng làm nghề nông và có đóng cay thuê, với công việc như trên thì mức thu nhập bình quân ở địa phương là khoảng 6.000.000 đồng/người/tháng. Nay chị T xin ly hôn anh T thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của

pháp luật tổ tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Minh T được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về việc nuôi con: Giao cháu Nguyễn Minh Đức cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị T thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn án phí, trả lại chị T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con với anh T; Anh T có địa chỉ cư trú tại huyện Yên Thế nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt lần thứ hai không có lí do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HV, huyện Yên Thế. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của chị T, anh T, cháu Đức và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương có căn cứ khẳng định: Vợ chồng chị T và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh T có quan hệ không đúng mực với người phụ nữ khác, chị T lại là người nóng tính dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã, rạn nứt tình cảm. Tuy sống cùng nhà nhưng chị T ở nhà dưới còn anh T ở nhà trên. Dù đã được gia đình, bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không hòa giải được. Tại phiên tòa, chị T khai trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị thì chị sẽ tiếp tục làm đơn khác vì không thể sống chung cùng anh T được nữa. Từ các tình tiết trên, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa chị T và anh T là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể

kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con: Chị T và anh T có nguyện vọng nuôi con chung, cháu Đức có nguyện vọng được ở với chị T. Xét khả năng nuôi con của chị T và anh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Về điều kiện nhà ở của chị T và anh T đều đảm bảo chỗ ở, chị T và anh T cùng có thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng là đảm bảo điều kiện nuôi con. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh T đều có điều kiện nuôi con ngang nhau nhưng cháu Đức có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần giao cháu Đức cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Trần Minh T thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn tiền án phí. Trả lại chị Trần Minh T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Minh T: Xử cho chị Trần Minh T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

3. Về việc nuôi con: Giao cho chị Trần Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Minh Đức, sinh ngày 28/02/2008. Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Chị Trần Minh T thuộc đối tượng hộ nghèo nên được miễn tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trả lại chị Trần Minh T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã

nộp tại biên lai số 0008591 ngày 01/12/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã HV, huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Trang